

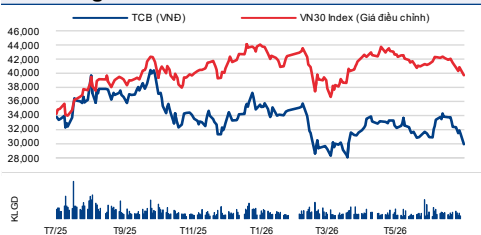
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ44,500
Tiềm năng tăng/giảm: 48.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/7/2026)	29,950
Mã Bloomberg	TCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	28,109-40,449
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	31,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	212,233
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	8,071
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,086
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,597
Slg CP NN được mua (tr.đv)	18.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	22.5%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.3%
Tỷ lệ freefloat	60.0%
Cổ đông lớn	nh và người liên quan (19.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	1,192	1,317	1,501
Dư nợ cho vay (ntđ)	768	867	1,006
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	53.4	61.7	72.1
Lợi nhuận thuần (ntđ)	25.3	30.1	36.0
BVPS (đồng)	23,996	27,538	31,617
EPS (đồng)	3,569	4,247	5,085
DPS (đồng)	1,000	700	1,000
T.trưởng cho vay KH (%)	21.5	13.0	16.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	13.6	15.5	16.8
Tăng trưởng EPS (%)	16.9	19.0	19.7
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	(30.0)	42.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	28.0	16.5	19.7
ROAE (%)	16.0	16.5	17.2
ROAA (%)	2.33	2.40	2.56
Tỷ lệ NIM (%)	4.01	3.89	3.94
Tỷ lệ CIR (%)	30.8	29.5	28.1
Hệ số CAR (%)	14.6	15.3	15.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.07	1.20	1.20
LLR/nợ xấu (%)	128	113	106
Hệ số LDR (%)	124	127	130
P/B (lần)	1.25	1.09	0.95
P/E (lần)	8.39	7.05	5.89
Lợi suất cổ tức (%)	3.34	2.34	3.34

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Một trong những ngân hàng dẫn đầu & tập trung vào lĩnh vực cho vay BĐS. Hiện tại TCB có chỉ số CAR, ROA, CASA thuộc nhóm cao nhất ngành.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Q2/2026: LNTT tăng 22,5%, tích cực và cao hơn một chút so với dự báo

- TCB công bố KQKD Q2 tích cực với LNTT đạt 9.670 tỷ đồng, tăng 22,5% so với cùng kỳ và tăng 9% so với quý trước, cao hơn khoảng 4% so với dự báo của chúng tôi. LNTT nửa đầu năm 2026 đạt 18.540 tỷ đồng, tăng 22,5% so với cùng kỳ, hoàn thành 47,9% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.
- Các điểm nổi bật bao gồm: Tăng trưởng tín dụng tăng tốc lên 15,2% kể từ đầu năm, tỷ lệ NIM phục hồi 32 điểm cơ bản so với quý trước, thu nhập phí duy trì đà tăng trưởng mạnh và chất lượng tài sản ổn định với tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,08%.
- Cổ phiếu TCB đã giảm 11% từ đầu tháng và hiện giao dịch ở mức định giá thấp hơn các ngân hàng cùng ngành, tương ứng P/B dự phóng 2026 là 1,08 lần và P/E là 7,0 lần. Với KQKD tích cực và định giá hấp dẫn, chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026 vào ngày 21/7/2026

TCB đã công bố KQKD Q2 tích cực với LNTT đạt 9.670 tỷ đồng, tăng 22,4% so với cùng kỳ và tăng 9% so với quý trước, cao hơn khoảng 4% so với dự báo Q2 của chúng tôi, chủ yếu nhờ tỷ lệ NIM phục hồi mạnh hơn kỳ vọng, thu nhập phí tăng trưởng tốt và chi phí dự phòng giảm.

LNTT nửa đầu năm 2026 đạt 18.540 tỷ đồng, tăng 22,5% so với cùng kỳ, hoàn thành 47,9% dự báo cả năm và vẫn sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Tăng trưởng tín dụng tăng tốc lên 15,2% so với đầu năm

Tổng dư nợ tín dụng tăng 15,2% kể từ đầu năm lên 949 nghìn tỷ đồng. Cho vay khách hàng tăng 10% lên 796 nghìn tỷ đồng, dư nợ cho vay kỳ quỹ tăng 17,5% lên 51,5 nghìn tỷ đồng và năm giữ TPDN tăng mạnh 80,7% lên 102 nghìn tỷ đồng. Giá trị TPDN năm giữ tăng mạnh nhiều khả năng chỉ mang tính tạm thời, phản ánh khối lượng lớn trái phiếu do TCX tư vấn phát hành trong Q2/2026, trong khi hoạt động phân phối trái phiếu cần thời gian để theo kịp.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2026, TCB

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	%HSCF
Thu nhập lãi thuần	9,137	10,763	18%	17,442	20,285	16%	48%
Thu nhập ngoài lãi	3,606	4,179	16%	6,912	8,331	21%	44%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2,107	3,662	74%	3,935	6,811	73%	59%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	415	(69)	-117%	870	515	-41%	27%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	632	110	-83%	1,261	392	-69%	12%
Thu nhập khác	452	475	5%	846	613	-28%	27%
Tổng thu nhập HĐ	12,743	14,942	17%	24,354	28,616	17%	46%
Chi phí HĐ	(3,831)	(4,620)	21%	(7,116)	(8,489)	19%	47%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	8,912	10,322	16%	17,239	20,127	17%	46%
Chi phí dự phòng	(1,014)	(652)	-36%	(2,104)	(1,587)	-25%	33%
LNTT	7,899	9,670	22%	15,135	18,540	22%	48%
Lợi nhuận thuần	6,247	7,350	18%	12,196	14,021	15%	47%

Nguồn: TCB, HSC

Tăng trưởng tín dụng của riêng ngân hàng đạt 14,3% kể từ đầu năm. Nếu loại trừ khoảng 20,4 nghìn tỷ đồng giải ngân cho các dự án cơ sở hạ tầng được miễn trừ khi tính hạn mức tăng trưởng tín dụng, tăng trưởng tín dụng tương đương 11,6% kể từ đầu năm, tiệm cận hạn mức khoảng 12% của năm 2026. Trong nửa cuối năm 2026, dư địa tăng trưởng nhiều khả năng đến từ cho vay hạ tầng được miễn hạn mức cùng dư địa được giải phóng thông qua hoạt động phân phối TPDN khi TCX đẩy mạnh hoạt động phân phối.

Tăng trưởng chủ yếu được dẫn dắt bởi phân khúc khách hàng doanh nghiệp (tăng 20% kể từ đầu năm). Cho vay lĩnh vực xây dựng và cơ sở hạ tầng ghi nhận nhu cầu cao nhất, tăng 56,3% kể từ đầu năm. Ngược lại, cho vay bán lẻ tăng chậm hơn ở mức 8,4%, do nhu cầu vay mua nhà vẫn thấp, với dư nợ chỉ tăng 4,9%. TCB tiếp tục dịch chuyển danh mục cho vay bán lẻ sang các sản phẩm có lợi suất cao hơn, bao gồm cho vay tín chấp (tăng 40% so với đầu năm) và cho vay ký quỹ (tăng 17,5%).

Tăng trưởng huy động đạt 6,9% kể từ đầu năm và tiền gửi không kỳ hạn phục hồi

Tổng huy động sơ cấp tăng 6,9% kể từ đầu năm nhờ tiền gửi khách hàng tăng 7%, trong khi giấy tờ có giá giảm 1,5%. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn, không bao gồm số dư sinh lời tự động, phục hồi lên 35% từ 32,6% tại thời điểm cuối Q1/2026. Nếu bao gồm số dư sinh lời tự động, tiền gửi không kỳ hạn tăng 4,8% kể từ đầu năm và tương đương 38,3% tổng tiền gửi khách hàng.

Theo phân khúc, tiền gửi không kỳ hạn bán lẻ giảm 14% so với đầu năm trong bối cảnh môi trường lãi suất tiền gửi ở mức cao. Ngược lại, tiền gửi không kỳ hạn phân khúc khách hàng doanh nghiệp tiếp tục tăng trưởng tích cực, tăng 23,0%, nhìn chung tương đồng với mức tăng mạnh của tín dụng doanh nghiệp.

NIM phục hồi theo quý tốt hơn kỳ vọng

NIM phục hồi 32 điểm cơ bản so với quý trước, lên 4,03%, khi lợi suất tài sản tăng 89 điểm cơ bản, cao hơn mức tăng 63 điểm cơ bản của chi phí vốn. Nếu loại trừ tác động một lần lên chi phí vốn được ghi nhận trong Q1/26, NIM cải thiện đúng như kỳ vọng khi quá trình định giá lại tài sản bắt kịp mức tăng của chi phí vốn. Mức phục hồi này nhỉnh hơn dự báo của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi trái chiều, thu nhập phí vượt trội nhưng kinh doanh nguồn vốn và thu nhập khác sụt giảm

Lãi thuần HĐ dịch vụ vẫn là điểm sáng chính, tăng 74% so với cùng kỳ, nhờ hoạt động tư vấn TPDN và thu nhập bảo hiểm, cùng với sự phục hồi của các dịch vụ LC, quản lý tiền mặt và thanh toán.

BLĐ cũng nhấn mạnh hiệu quả hoạt động của Techcom Life, đơn vị đã giành được 21% thị phần bancassurance và 9% thị phần theo phí bảo hiểm tương đương hàng năm (APE).

Ngược lại, thu nhập từ HĐKD nguồn vốn – chủ yếu bao gồm giao dịch và phân phối trái phiếu – giảm mạnh, giảm 83% so với cùng kỳ và 61% so với quý trước. Lãi suất gia tăng làm giảm tỷ suất lợi nhuận phân phối trái phiếu và tạo ra môi trường không thuận lợi cho giao dịch trái phiếu.

Chất lượng tài sản duy trì tích cực và ổn định

Chất lượng tài sản nhìn chung ổn định với tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ xuống 1,08% từ 1,09% tại thời điểm cuối Q1/2026, trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu vẫn ở mức lành mạnh 125,6%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng ổn định ở mức 0,67%.

BLĐ giữ nguyên kế hoạch cả năm với tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5% và chi phí tín dụng khoảng 0,6%.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 11% kể từ đầu tháng, TCB đang giao dịch với P/B và P/E dự phóng năm 2026 lần lượt là 1,08 lần và 7 lần, thấp hơn so với bình quân ngân hàng tư nhân lần lượt ở mức 1,35 lần và 8,6 lần. Chúng tôi cho

rằng định giá hiện tại là hấp dẫn và duy trì khuyến nghị Mua vào & giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	60.1	68.0	84.7	93.9	106
Chi phí lãi	(24.6)	(29.9)	(42.1)	(45.0)	(49.2)
Thu nhập lãi thuần	35.5	38.2	42.6	48.9	57.2
Lãi thuần HĐ dịch vụ	8.04	8.77	11.6	14.8	17.8
Lãi thuần HĐ KDNH	0.59	1.64	1.89	2.08	2.29
Lãi/lỗ từ mua bán CK	2.44	2.90	3.34	3.68	4.05
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.06	0.04	0.04	0.04	0.05
Thu nhập khác	0.34	1.88	2.22	2.57	3.10
Tổng thu nhập HĐ	47.0	53.4	61.7	72.1	84.5
Chi phí HĐ	(15.4)	(16.4)	(18.2)	(20.2)	(22.6)
LN trước dự phòng	31.6	37.0	43.5	51.8	61.9
Chi phí dự phòng	(4.08)	(4.42)	(4.81)	(5.39)	(6.10)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	27.5	32.5	38.7	46.4	55.8
Chi phí thuế TNDN	(5.78)	(6.58)	(7.74)	(9.29)	(11.2)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.24)	(0.66)	(0.86)	(1.12)	(1.46)
Lợi nhuận thuần	21.5	25.3	30.1	36.0	43.2
EPS (đồng)	3,054	3,569	4,247	5,085	6,093
DPS (đồng)	1,500	1,000	700	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	7,047	7,086	7,086	7,086	7,086
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	7,065	7,086	7,086	7,086	7,086
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	7,065	7,086	7,086	7,086	7,086

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.38	4.36	5.96	8.15	7.10
Tiền gửi tại NHNN	54.4	82.2	54.5	46.4	54.2
Tiền gửi tại các TCTD khác	84.6	115	121	127	129
Chứng khoán kinh doanh	9.00	4.82	6.02	7.21	7.93
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	624	757	856	993	1,172
Tổng dư nợ cho vay	632	768	867	1,006	1,187
Dự phòng rủi ro	(8.09)	(10.5)	(11.8)	(12.8)	(15.1)
Chứng khoán đầu tư	149	146	166	186	211
CK đầu tư sẵn sàng để bán	142	146	166	187	211
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	6.90	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(0.48)	(0.42)	(0.42)	(0.42)	(0.42)
Đầu tư dài hạn	3.10	3.25	3.25	3.25	3.25
Tài sản cố định	12.5	12.1	13.3	14.7	16.1
Tài sản khác	39.5	68.0	91.8	115	138
Tổng tài sản	979	1,192	1,317	1,501	1,738
Nợ phải trả	831	1,013	1,112	1,265	1,465
Tiền gửi của NHNN	0.01	4.32	0	0	0
Tiền gửi của các TCTD khác	132	145	152	160	176
Tổng tiền gửi KH	533	619	681	773	904
Trái phiếu và CCTG	140	215	248	297	345
Nợ khác	23.9	26.9	30.9	35.5	40.9
Vốn chủ sở hữu	145	170	195	224	260
Vốn điều lệ	70.6	70.9	70.9	70.9	70.9
Thặng dư vốn cổ phần	(0.00)	(0.00)	(0.00)	(0.00)	(0.00)
Lợi nhuận giữ lại	42.2	62.8	83.2	107	136
Quỹ & vốn khác của CSH	32.6	36.4	41.1	46.7	53.4
Lợi ích cổ đông thiểu số	2.52	9.46	10.3	11.4	12.9
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	979	1,192	1,317	1,501	1,738
BVPS (đồng)	20,583	23,996	27,538	31,617	36,704

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	15.2	21.8	10.5	13.9	15.8
Tăng trưởng cho vay KH (%)	21.8	21.5	13.0	16.0	18.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	17.3	16.0	10.0	13.5	17.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	24.9	23.8	11.3	15.2	16.7
Tăng trưởng VCSH (%)	11.6	16.9	14.8	14.8	16.1
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	28.2	7.46	11.8	14.6	17.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	16.0	6.91	10.6	11.3	11.7
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	17.9	16.9	17.7	19.1	19.4
Tăng trưởng LNTT (%)	20.3	18.2	18.9	20.0	20.1
Tăng trưởng LN thuần (%)	19.5	17.5	19.0	19.7	19.8

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.14	4.92	4.92	5.11	5.22
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.68)	(1.51)	(1.45)	(1.44)	(1.39)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	87.8	87.7	87.3	88.2	88.3
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	3.97	4.42	5.00	5.73	6.59
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	71.3	83.7	99.6	119	143

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	9.81	8.39	7.05	5.89	4.92
P/B (lần)	1.46	1.25	1.09	0.95	0.82
Lợi suất cổ tức (%)	5.01	3.34	2.34	3.34	3.34

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	45.8	47.4	48.8	50.0	51.1
ROAA (%)	2.35	2.33	2.40	2.56	2.67
ROAE (%)	15.6	16.0	16.5	17.2	17.8
Chi phí huy động BQ (%)	3.28	3.34	4.08	3.90	3.71
Lợi suất góp BQ (%)	7.49	7.14	7.74	7.56	7.45
Lợi suất thuần (%)	4.21	3.80	3.66	3.66	3.74
Tỷ lệ NIM (%)	4.42	4.01	3.89	3.94	4.00
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	17.1	16.4	18.7	20.6	21.0
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	75.6	71.5	69.1	67.8	67.7
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	7.32	12.1	12.1	11.6	11.2
Tỷ lệ CIR (%)	32.7	30.8	29.5	28.1	26.7
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	49.1	28.0	16.5	19.7	16.4

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	15.4	14.6	15.3	15.3	15.2
VCSH/Tổng TS (%)	14.9	14.3	14.8	14.9	15.0
Đòn bẩy vốn (lần)	6.73	7.01	6.75	6.70	6.68

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.12	1.07	1.20	1.20	1.20
Hệ số LLR (%)	114	128	113	106	106

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	118	124	127	130	131
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	16.4	14.8	14.1	13.0	12.3
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	64.6	64.4	65.9	67.0	68.3

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	302	302	302	302	302
Số lượng nhân viên	11,848	12,085	12,327	12,573	12,825

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn